

HIỆU QUẢ KINH TẾ CHĂN NUÔI LỢN TẬP TRUNG THEO HƯỚNG THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP TỐT (VIETGAP) CỦA CÁC HỘ NÔNG DÂN NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Xuân^{1*}, Nguyễn Hữu Ngoan²

¹*Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây*

²*Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Email*: Xuannn.d20@moet.edu.vn

Ngày gửi bài: 18.06.2014

Ngày chấp nhận: 01.09.2014

TÓM TẮT

Chăn nuôi lợn theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) là phương thức chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng. Hộ nông dân các huyện ngoại thành Hà Nội đã và đang áp dụng qui trình kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP. Tuy vậy, để ứng dụng rộng rãi phương thức chăn nuôi này cần phải đánh giá một cách khoa học và phân tích rõ các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển chăn nuôi lợn tập trung theo hướng VietGAP, làm cơ sở để các cơ quan chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và người chăn nuôi ở ngoại thành Hà Nội lựa chọn và phát triển chăn nuôi một cách bền vững.

Từ khóa: Chăn nuôi lợn VietGAP của Hà Nội, hiệu quả kinh tế.

Economic Efficiency of Concentrated Pig Production toward Good Agricultural Practices of Farm Households in Suburban Hanoi

ABSTRACT

Pig production according to good agricultural practices (VietGAP) is the method that brings about high economic efficiency and environmental protection, meeting the demand for safety food by customers. Households in suburban districts of Hanoi have been applying technical protocol of concentrated meat production based on VietGap standard. However, for wide application of this protocol, it is necessary to comprehensively assess and clearly analyze the economic efficiency and the factors affecting concentrated pig production towards VietGap, serving as the basis for authorities to direct agricultural production and pig growers in Hanoi suburban to sustainably develop pig production.

Keywords: Economic efficiency, VietGAP pig production in Hanoi.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngoại thành Hà nội là một vùng nông thôn rộng lớn có điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao. Chăn nuôi lợn tập trung là một hình thức tổ chức sản xuất đang được khuyến khích phát triển. UBND thành phố Hà Nội đã có quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 17/06/2011 nhằm phát triển chăn nuôi tập trung theo vùng, xã trọng điểm và chăn nuôi qui mô lớn ngoài khu dân cư. Thực hiện quyết định đó Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

thành phố đã chỉ đạo và triển khai chương trình chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP bước đầu đạt được kết quả tốt. Tuy nhiên, chăn nuôi lợn theo VietGAP đòi hỏi những điều kiện các yếu tố đầu vào và đầu ra của sản phẩm rất chặt chẽ so với chăn nuôi truyền thống. Vì vậy, cần phải đánh giá một cách khoa học về hiệu quả kinh tế (HQKT) và các nhân tố ảnh hưởng đến nâng cao HQKT của loại hình chăn nuôi lợn VietGAP, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp thiết thực để giúp người chăn nuôi lợn ở Hà nội đạt HQKT cao và tích cực thực hiện các tiêu chuẩn VietGAP trong chăn nuôi.

Nghiên cứu này nhằm các mục tiêu sau: Đánh giá một cách khách quan thực trạng chăn nuôi lợn nói chung và chăn nuôi lợn thịt theo tiêu chuẩn VietGAP của các hộ chăn nuôi ngoại thành Hà Nội; Xác định hiệu quả kinh tế và các nhân tố ảnh hưởng đến nâng cao HQKT của các hình thức chăn nuôi lợn thịt tại các cơ sở nghiên cứu; Đề xuất một số giải pháp nâng cao HQKT cho các hộ chăn nuôi theo hướng VietGAP ở ngoại thành Hà Nội.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Chọn điểm nghiên cứu

Thành phố Hà Nội có 27 quận, huyện và thị xã, trong đó 22 quận, huyện, thị xã còn sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, chăn nuôi lợn tập trung, qui mô lớn ngoài khu dân cư phát triển mạnh ở các huyện ngoại thành. Ba huyện Ứng Hòa, Thạch Thất, Gia Lâm là những huyện có nhiều hộ nông dân chăn nuôi lợn tập trung thực hiện theo tiêu chuẩn VietGAP. Theo số liệu công bố tại niên giám thống kê của thành phố Hà Nội năm 2012, số lượng lợn hơi xuất chuồng của huyện Ứng Hoà là 85.308 con; huyện Thạch Thất là 54.537 con; huyện Gia Lâm là 51.975 con. Vì vậy, nghiên cứu lựa chọn 3 huyện trên để đi sâu phân tích đánh giá về HQKT chăn nuôi lợn trong các hộ áp dụng qui trình VietGAP.

2.2. Thu thập thông tin

- Thông tin phục vụ cho nghiên cứu từ hai nguồn:

+ Thông tin thứ cấp được thu thập từ các sách, báo, tạp chí, đề tài khoa học đã công bố, các văn bản chỉ đạo của các cấp chính quyền, các báo cáo của các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, thành phố Hà Nội liên quan đến sản xuất nông nghiệp và thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP).

+ Thông tin sơ cấp được thu thập trực tiếp bằng phương pháp điều tra chọn mẫu 195 hộ chăn nuôi lợn tập trung theo qui trình VietGAP ở 3 huyện theo cách phỏng vấn trực tiếp. Các hộ nông dân chăn nuôi lợn được phân loại thành 3

nhóm: Nhóm 1 điều tra 32 hộ (16,5%) là các hộ chăn nuôi có điều kiện về kinh tế khá có nhiều khả năng mở rộng qui mô chăn nuôi tập trung; nhóm 2 điều tra 67 hộ (34%) là các hộ có điều kiện kinh tế trung bình; nhóm 3 điều tra 96 hộ (49,5%) là các hộ có điều kiện kinh tế khó khăn. Ngoài ra, nghiên cứu còn điều tra 30 hộ chăn nuôi theo phương thức thông thường để so sánh.

2.3. Xử lý và tổng hợp thông tin

Các thông tin sau khi thu thập, được xử lý bằng phần mềm Excel và tổng hợp bằng phương pháp phân tổ thống kê.

2.4. Các phương pháp phân tích thông tin

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, thống kê so sánh, phương pháp hạch toán chi phí để phân tích ngoài ra còn sử dụng các phương pháp chuyên gia, chuyên khảo để đánh giá hiệu quả kinh tế chăn nuôi lợn tập trung theo hướng VietGAP.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Chi phí chăn nuôi lợn tập trung theo hướng VietGAP trong các hộ tại thành phố Hà Nội

Chi phí là yếu tố quan trọng cấu thành nên giá thành sản phẩm và có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả và hiệu quả chăn nuôi lợn.

Qua tìm hiểu cho thấy, chi phí bình quân trong các hộ chăn nuôi theo hướng VietGAP là 4,41 triệu đồng. Trong đó, chủ yếu chi phí thức ăn chiếm 57,67%, tiếp theo chi phí giống chiếm 24,19%, các chi phí lao động gia đình chiếm 13%, các chi phí khác chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ.

Qua bảng cho thấy, chi phí trung gian trong chăn nuôi lợn theo hướng VietGAP của các hộ trung bình là 3,8 triệu đồng. So sánh chi phí trung gian giữa các nhóm hộ khác nhau thì các hộ chăn nuôi thuộc nhóm 1 có chi phí lớn nhất 3,91 triệu đồng, các hộ chăn nuôi nhóm 2 là 3,83 triệu đồng, chi phí trung gian của các hộ chăn nuôi nhóm 3 là 3,74 triệu đồng. Xét về chi phí thức ăn ở cả 3 nhóm hộ cho thấy, các hộ chăn nuôi thuộc nhóm 3 có chi phí thức ăn cao nhất

Bảng 1. Chi phí trong chăn nuôi lợn theo hướng VietGAP của các nhóm hộ
(Tính bình quân cho 100kg thịt lợn hơi xuất chuồng, triệu đồng)

Chi tiêu	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Bình quân
Số lượng hộ điều tra	32	67	96	195
I. Chi phí trung gian	3,91	3,83	3,74	3,80
1. Chi phí giống	1,11	1,07	1,05	1,07
2. Chi phí thức ăn	2,53	2,54	2,55	2,54
2.1 Thức ăn CN	2,53	2,38	2,14	2,29
2.2 Thức ăn khác	0,00	0,16	0,41	0,26
3. Chi phí thuốc thú y	0,05	0,06	0,05	0,05
4. Điện nước	0,06	0,05	0,03	0,04
5. Chi phí dụng cụ sản xuất	0,03	0,03	0,03	0,03
6. Chi phí thuê lao động	0,06	0,02	0,00	0,02
7. Chi phí khác	0,07	0,06	0,03	0,05
II. Khấu hao TSCĐ	0,05	0,04	0,03	0,04
III. Lao động gia đình	0,34	0,52	0,69	0,57
IV. TC	4,30	4,39	4,46	4,41

Nguồn: Tổng hợp, tính toán từ số liệu điều tra năm 2013

2,55 triệu đồng (chiếm 57,17%), các hộ thuộc nhóm 2 là 2,54 triệu đồng và các hộ chăn nuôi thuộc nhóm 1 là 2,53 triệu đồng. Trong đó các hộ chăn nuôi thuộc nhóm 1 thì 100% thức ăn sử dụng trong chăn nuôi lợn là thức ăn công nghiệp, với các hộ chăn nuôi thuộc nhóm 2 và nhóm 3 một phần thức ăn khác (phụ phẩm trong ngành trồng trọt và phụ phẩm trong sinh hoạt như thức ăn thừa...). Sở dĩ có sự khác nhau về chi phí thức ăn là do các hộ chăn nuôi thuộc nhóm 1 chăn nuôi lợn bằng cám công nghiệp và giống mới, lợn lớn nhanh hơn và khả năng tăng trọng nhanh hơn dẫn đến thời gian nuôi giảm đi và trọng lượng bán lớn hơn nên tận dụng lượng thức ăn tối đa cho lợn nên chi phí thức ăn chiếm thấp trong cơ cấu tổng chi phí hộ. Đối với các hộ chăn nuôi thuộc nhóm 2 và nhóm 3 tuy đã ý thức được con giống nhưng do vốn không đủ nên không thể thay thế được con giống và không có tiền đầu tư hoàn toàn thức ăn công nghiệp dẫn đến chi phí thức ăn tốn hơn vì con giống tăng trưởng chậm và thời gian kéo dài hơn nên dẫn đến tiêu tốn thức ăn nhiều làm cho hiệu quả thấp hơn.

Bên cạnh đó, chi phí về giống là một trong những khoản chi phí cao trong tổng thể chi phí của hộ chỉ đứng sau chi phí thức ăn. Hộ chăn nuôi thuộc nhóm 1 thường là tự sản xuất và mua từ các trại giống được chứng nhận nên chi phí giống cao hơn so với các hộ chăn nuôi thuộc nhóm 2 và nhóm 3.

Chi phí lao động gia đình cũng đóng vai trò rất quan trọng và chiếm một tỷ lệ khá cao chỉ sau chi phí thức ăn và chi phí giống. Cao nhất là các hộ quy mô nhỏ chiếm đến 15,47% trong tổng chi phí, tiếp theo là các hộ thuộc nhóm 2 và nhóm 1 lần lượt chiếm 11,84% và 7,91%. Nguyên nhân tăng chi phí lao động gia đình là do ảnh hưởng của dịch bệnh từ những năm trước, hộ chăn nuôi phải tăng cường theo dõi và chăm sóc nên chi phí công lao động tăng lên; còn các hộ quy mô lớn do phòng trừ dịch bệnh nên chiếm tỷ lệ thấp. Ngoài ra, do các hộ chăn nuôi thuộc nhóm 1 chủ yếu sử dụng thức ăn công nghiệp nên tiết kiệm được lao động gia đình, với các hộ chăn nuôi thuộc nhóm 2 và nhóm 3 các hộ tốn thêm công lao động đi thu gom thức ăn và chuẩn bị thức ăn khác.

Bảng 2. So sánh chi phí chăn nuôi lợn theo VietGAP và chăn nuôi thường
(Tính bình quân cho 100 kg thịt lợn hơi xuất chuồng, triệu đồng)

Chỉ tiêu	Chăn nuôi theo Vietgap	Chăn nuôi thường
Số lượng hộ điều tra	195	30
I. Chi phí trung gian	3,80	3,74
1. Chi phí giống	1,07	1,03
2. Chi phí thức ăn	2,54	2,55
- Thức ăn chăn nuôi	2,29	2,12
- Thức ăn khác	0,26	0,43
3. Chi phí thuốc thú y	0,05	0,04
4. Chi điện nước	0,04	0,03
5. Chi phí dụng cụ sản xuất	0,03	0,03
6. Chi phí thuê lao động	0,02	0,02
7. Chi phí khác	0,05	0,04
II. Khấu hao tài sản cố định	0,04	0,03
III. Lao động gia đình	0,57	0,68
IV. Tổng chi	4,41	4,45

Nguồn: Tổng hợp, tính toán từ số liệu điều tra năm 2013

Chi phí thú y chiếm tỷ lệ rất thấp (trung bình là 1,21%). Trong đó, các hộ thuộc nhóm 2 có chi phí cao nhất là 60 nghìn đồng, các hộ thuộc nhóm 1 và nhóm 3 là 50 nghìn đồng. Tỷ lệ các hộ nhóm 1 tiến hành tiêm phòng bệnh đầy đủ cho lợn nhưng có chi phí bằng với các hộ chăn nuôi nhóm 3 là do các hộ chăn nuôi nhóm 1 mua con giống đã được tiêm phòng rồi nên chi phí tiêm phòng bằng với nhóm 3 thực hiện tiêm phòng ít và thấp hơn so với nhóm 2.

Do phải đầu tư thêm các loại máy móc như máy bơm phun thuốc sát trùng phương tiện, chuồng trại với máng ăn, vòi uống tự động nên chi phí điện nước và chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí khác của nhóm 1 cao nhất, thấp nhất là nhóm 3.

Qua bảng cho thấy, nếu không tính chi phí lao động gia đình thì việc chăn nuôi lợn theo hướng Vietgap có chi phí trung gian cao hơn so với chăn nuôi thường. Trung bình, để chăn nuôi được 100kg thịt lợn hơi xuất chuồng theo hướng VietGAP các hộ chăn nuôi phải bỏ ra 3,8 triệu đồng và các hộ chăn nuôi thông thường có chi phí trung gian là 3,74 triệu đồng. Tuy nhiên,

khi xét đến lao động gia đình tham gia vào trong quá trình chăn nuôi lợn cho thấy các hộ chăn nuôi thường có chi phí cao hơn so với các hộ chăn nuôi theo hướng Vietgap. Trung bình tổng chi phí sản xuất ra 100 kg thịt lợn hơi xuất chuồng, các hộ chăn nuôi theo hướng VietGAP phải bỏ ra chi phí là 4,41 triệu đồng, với các hộ chăn nuôi không theo hướng vietGAP có chi phí là 4,45 triệu đồng. Sự khác nhau giữa hai loại chi phí này của hai nhóm hộ được giải thích bởi chi phí lao động của gia đình chăn nuôi thông thường cao hơn do tốn công tìm kiếm và chế biến thức ăn khác (không phải thức ăn công nghiệp). Như vậy, sử dụng các loại thức ăn này các hộ chăn nuôi phải tiêu tốn công lao động đi tìm kiếm và chuẩn bị thức ăn, ngoài ra sử dụng các loại thức ăn này lợn tăng trưởng chậm hơn, thời gian nuôi kéo dài làm cho chi phí tăng và việc chăn nuôi theo phương thức tận dụng này chỉ áp dụng được đối với các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ.

Trong chi phí trung gian, các hộ chăn nuôi theo hướng VietGAP có chi phí thuốc thú y (chủ yếu là thuốc tiêm phòng, chế phẩm vệ sinh thú

Hiệu quả kinh tế chăn nuôi lợn tập trung theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) của các hộ nông dân ngoại thành Hà Nội

y...) cao hơn so với các hộ chăn nuôi thông thường. Các hộ chăn nuôi theo hướng VietGAP bắt buộc phải đáp ứng các tiêu chuẩn về tiêm phòng đầy đủ các bệnh cho lợn nên chi phí cao hơn so với các hộ chăn nuôi thông thường.

Chăn nuôi theo hướng VietGAP đòi hỏi các hộ chăn nuôi thực hiện tốt công tác vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường, kiểm soát dịch bệnh bằng cách sử dụng các loại máy phun thuốc, máy bơm nước... điều này làm cho chi phí điện nước cao hơn so với các hộ chăn nuôi thông thường bình quân 10 nghìn đồng/100kg thịt lợn hơi xuất chuồng.

3.2. Kết quả và hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi lợn tập trung theo hướng VietGAP của thành phố Hà Nội

Mỗi nhóm hộ với những nguồn lực khác nhau đã lựa chọn sử dụng các yếu tố đầu vào (giống, thức ăn, chuồng trại, công tác thú y...) khác nhau và đạt được kết quả, hiệu quả khác nhau.

Qua điều tra tính toán kết quả chăn nuôi của các nhóm hộ cùng sản xuất ra 100kg thịt lợn hơi cho thấy, giá trị sản xuất bình quân đạt 4,58 triệu đồng. Trong đó, các hộ chăn nuôi thuộc nhóm 1 có giá trị sản xuất cao nhất 4,86 triệu đồng, giá trị sản xuất nhóm 3 thấp nhất 4,49 triệu đồng. Sự khác nhau về giá trị sản xuất này là do chất lượng lợn thịt hơi khác nhau

dẫn tới giá bán thịt lợn hơi khác nhau giữa các nhóm hộ, chất lượng thịt khác nhau được quyết định bởi chất lượng con giống và chế độ dinh dưỡng trong quá trình chăn nuôi lợn. Với các hộ chăn nuôi nhóm 1 sử dụng chủ yếu là lợn siêu nạc và sử dụng thức ăn công nghiệp thích hợp nên lợn tăng trưởng nhanh và có tỷ lệ nạc cao, đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng. Ngược lại, người chăn nuôi nhóm 2 và nhóm 3 sử dụng các giống lợn lai và lợn nội tỷ lệ nạc thấp nên giá bán thấp hơn.

Việc chăn nuôi diễn ra thuận lợi, vấn đề dịch bệnh được kiểm soát tốt thì với 100kg thịt lợn hơi xuất chuồng người chăn nuôi bình quân thu được 780 nghìn đồng giá trị gia tăng, sau khi trừ khấu hao tài sản các hộ chăn nuôi thu được 740 nghìn đồng thu nhập hỗn hợp. Với 620 nghìn đồng thu nhập không phải lớn khi thời gian chăn nuôi lợn của các hộ chăn nuôi từ 3 - 3,5 tháng kể từ khi mua lợn giống hoặc tách lợn con ra khỏi mẹ. Tuy nhiên, khi chăn nuôi với số lượng đầu lợn lớn, khối lượng sản phẩm thịt lợn hơi xuất bán lớn các hộ chăn nuôi sẽ thu được thu nhập hỗn hợp lớn. Các nhóm khác nhau với sự đầu tư khác nhau sẽ thu được giá trị gia tăng và thu nhập khác nhau, các hộ chăn nuôi thuộc nhóm 1 có giá trị gia tăng cao nhất 850 nghìn đồng cao hơn nhóm 2 gần 70 nghìn đồng và cao

Bảng 3. Kết quả và hiệu quả kinh tế chăn nuôi lợn của các nhóm hộ
(Tính bình quân cho 100kg thịt lợn hơi xuất chuồng)

Chỉ tiêu	ĐVT	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Bình quân
Số lượng hộ điều tra	Hộ	32	67	96	195
1. Giá trị sản xuất (GO)	tr.đ	4,76	4,61	4,49	4,58
2. Chi phí trung gian (IC)	tr.đ	3,91	3,83	3,74	3,80
3. Tổng chi phí (TC)	tr.đ	4,30	4,39	4,46	4,41
4. Giá trị gia tăng (VA)	tr.đ	0,85	0,78	0,75	0,78
5. Khấu hao TSCĐ	tr.đ	0,05	0,04	0,03	0,04
6. Thu nhập hỗn hợp MI	tr.đ	0,80	0,74	0,72	0,74
7. Lãi gộp (PR)	tr.đ	0,46	0,22	0,03	0,17
VA/IC	lần	0,22	0,20	0,19	0,20
MI/IC	lần	0,20	0,19	0,18	0,19
PR/IC	lần	0,12	0,06	0,01	0,04

Nguồn: Tổng hợp, tính toán từ số liệu điều tra năm 2013

hơn nhóm 3 gần 100 nghìn đồng/100kg thịt lợn hơi xuất chuồng. Xét về thu nhập hỗn hợp nhóm 1 có thu nhập hỗn hợp đạt 800 nghìn đồng cao hơn nhóm 2 gần 60 nghìn đồng và cao hơn nhóm 1 gần 80 nghìn đồng/100 kg thịt lợn hơi xuất chuồng.

Qua bảng cho thấy, các hộ chăn nuôi bỏ ra 1 đồng chi phí trung gian thu được 0,2 đồng giá trị gia tăng, 0,19 đồng thu nhập hỗn hợp và 0,04 đồng lãi gộp. So sánh giá trị gia tăng hợp giữa các nhóm hộ khác nhau cho thấy các hộ thuộc nhóm 1 có giá trị thu nhập hỗn hợp/ 1 đồng chi phí trung gian cao nhất 0,22 lần cao hơn nhóm 2 là 0,02 lần và cao hơn nhóm 3 là 0,03 lần. Với chỉ tiêu MI/IC hộ chăn nuôi nhóm 1 cao nhất đạt cao nhất 0,2 lần, cao hơn nhóm 2 là 0,19 lần và cao hơn nhóm 3 là 0,18 lần.

Như vậy, việc sử dụng con giống mua từ các cơ sở được nhà nước chứng nhận, cùng với việc sử dụng các loại thức ăn công nghiệp có mức dinh dưỡng cao đáp ứng được nhu cầu sinh trưởng của từng giống lợn, kết hợp với việc thực hiện tốt công tác tiêm phòng và vệ sinh thú y, các hộ chăn nuôi nhóm 1 đã thu được kết quả và hiệu quả cao hơn so với các hộ thuộc nhóm 2 và nhóm 3.

So sánh hiệu quả chăn nuôi lợn theo hướng VietGAP và chăn nuôi thông thường tính cho 100kg thịt lợn hơi xuất chuồng cho thấy, các hộ chăn nuôi theo VietGAP có giá trị sản xuất đạt 4,58 triệu đồng, cao hơn so với các hộ chăn nuôi thường 110 nghìn đồng. Chăn nuôi được 100kg

thịt lợn hơi xuất chuồng các hộ chăn nuôi theo hướng VietGAP thu được giá trị gia tăng đạt 780 nghìn đồng, cao hơn so với các hộ chăn nuôi thông thường 60 nghìn đồng và thu được thu nhập hỗn hợp đạt 740 nghìn đồng, cao hơn so với các hộ chăn nuôi thông thường 50 nghìn đồng.

Như vậy, các hộ chăn nuôi theo hướng VietGAP có hiệu quả kinh tế cao hơn so với các hộ chăn nuôi theo phương thức thông thường, nhóm hộ chăn nuôi thực hiện được càng nhiều tiêu chí theo VietGAP thì hiệu quả chăn nuôi càng cao.

Với 1 đồng chi phí trung gian bỏ ra, các hộ chăn nuôi theo hướng VietGAP thu được 0,2 đồng giá trị gia tăng, cao hơn các hộ chăn nuôi thông thường 0,01 đồng và thu được 0,19 đồng, thu nhập hỗn hợp cao hơn các hộ chăn nuôi thông thường 0,01 đồng.

3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế chăn nuôi lợn tập trung theo quy trình VietGap

- Nhận thức của người chăn nuôi là nhân tố trước nhất phải được chú ý bởi chấp nhận phương thức chăn nuôi truyền thống hay VietGap là do ứng xử của các hộ nông dân trước những yêu cầu sản xuất và thị trường. Hộ chăn nuôi phải nhận rõ tính ưu việt và hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của tiêu chuẩn VietGap thì họ mới chủ động thực hiện đúng và đầy đủ quy trình kỹ thuật mà tiêu chuẩn VietGap đề ra.

Bảng 4. So sánh hiệu quả kinh tế chăn nuôi lợn theo hướng VietGAP và chăn nuôi thường
(Tính bình quân cho 100kg thịt lợn hơi xuất chuồng)

Chỉ tiêu	ĐVT	Chăn nuôi theo Vietgap	Chăn nuôi thường
Số lượng hộ điều tra	hộ	195	30
1. Giá trị sản xuất (GO)	tr.đ	4,58	4,48
2. Chi phí trung gian (IC)	tr.đ	3,80	3,76
3. Tổng chi phí (TC)	tr.đ	4,41	4,47
4. Giá trị gia tăng (VA)	tr.đ	0,78	0,72
5. Khấu hao TSCĐ	tr.đ	0,04	0,03
5. Thu nhập hỗn hợp MI	tr.đ	0,74	0,69
6. Lãi gộp (PR)	tr.đ	0,17	0,01
VA/IC	lần	0,20	0,19
MI/IC	lần	0,19	0,18

Nguồn: Tổng hợp từ tài liệu điều tra năm 2013

- Công tác qui hoạch các khu vực chăn nuôi tập trung tránh xa các khu dân cư, tạo mọi điều kiện để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và điều kiện vật chất kỹ thuật cho chăn nuôi lợn thịt qui mô lớn không ảnh hưởng đến môi trường. Gắn kết giữa các cơ sở chăn nuôi với các cơ sở giết mổ đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Áp dụng chặt chẽ qui trình nuôi dưỡng chăm sóc đàn lợn từ chuẩn bị con giống đến thức ăn, chuồng trại và công tác thú y nhằm đảm bảo các chỉ tiêu về kinh tế, kỹ thuật cho từng thời gian sinh trưởng và phát triển của đàn lợn với chi phí sản xuất và giá thành hợp lý đảm bảo tiết kiệm đầu vào góp phần làm tăng hiệu quả kinh tế.

- Thương hiệu cho sản phẩm thịt lợn nuôi theo qui trình VietGap và hoạt động của các trung tâm thương mại là nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến tiêu dùng của nhân dân và có tác động kích thích người chăn nuôi yên tâm đầu tư và thực hiện chăn nuôi đạt tiêu chuẩn Vietgap.

- Các chính sách về phát triển chăn nuôi lợn và hoạt động của các cơ quan quản lý nhằm chống nhập lậu thịt lợn từ bên ngoài, cùng với công tác phòng chống dịch bệnh của các địa phương... cũng ảnh hưởng quan trọng đến phát triển chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP.

4. KẾT LUẬN

Chăn nuôi lợn tập trung theo qui trình VietGAP là phương thức chăn nuôi tiến bộ, đảm bảo cung cấp cho thị trường sản phẩm thịt lợn đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Mặt khác chăn nuôi lợn cũng mang lại nguồn thu nhập chủ yếu cho các hộ nuôi tập trung qui mô lớn.

Áp dụng qui trình VietGAP trong chăn nuôi cần đảm bảo những điều kiện về qui hoạch đất đai, xây dựng chuồng trại, con giống, thức ăn, nguồn nước hợp vệ sinh, công tác thú y và trình độ hiểu biết của người chăn nuôi... Vì vậy, cần phải

đầu tư một cách hợp lý làm cho chi phí trung gian của chăn nuôi lợn tăng hơn so với chăn nuôi thông thường. Mặc dù vậy, trong quá trình thực hiện qui trình VietGAP năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi lợn thịt tăng cao với giá tiêu thụ cũng cao hơn nên hiệu quả kinh tế của chăn nuôi lợn thịt theo tiêu chuẩn VietGAP cao hơn hẳn so với chăn nuôi thông thường.

Để áp dụng qui trình chăn nuôi lợn tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP một cách rộng rãi và đạt HQKT cao trong các hộ nông dân, thành phố Hà nội cần thực hiện một số giải pháp cấp bách:

- Tập trung thực hiện công tác qui hoạch đất đai thành các khu vực chăn nuôi tập trung cách xa các khu dân cư, đồng thời phải đảm bảo các điều kiện về môi trường và cơ sở hạ tầng thiết yếu về cấp thoát nước, giao thông, điện, thông tin liên lạc...

- Thành phố cần có chính sách cụ thể khuyến khích các hộ nông dân mạnh dạn đầu tư để phát triển chăn nuôi lợn tập trung theo qui hoạch và thực hiện VietGAP.

- Tăng cường liên kết giữa các cơ sở chăn nuôi và thị trường tiêu thụ nhất là hệ thống giết mổ, chế biến và các trung tâm thương mại.

- Phải có chính sách giá tiêu thụ các sản phẩm thịt lợn được nuôi theo qui trình VietGAP, đảm bảo cho người tiêu dùng yên tâm mua và sử dụng loại thực phẩm an toàn trên phạm vi thành phố Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Quyết định 1947/QĐ-BNN-CN ngày 23/8/2011 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT về số việc ban hành qui trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn an toàn trong nông hộ.

Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 17/6/2011 của UBND Thành phố Hà nội về phát triển chăn nuôi.

Niên giám thống kê Hà Nội năm 2012.